

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>210.460.372.160</b>	<b>214.979.881.655</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>293.680.971</b>	<b>579.133.348</b>
1. Tiền	111		293.680.971	579.133.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.212.247.908</b>	<b>7.057.054.362</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.212.247.908	7.057.054.362
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.825.774.898</b>	<b>187.580.212.076</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	82.541.045.590	116.100.528.291
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	186.088.882	71.595.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	83.380.421.208	72.689.869.134
+ Các khoản phải thu khác			19.509.590.772	18.448.384.000
+ Tạm ứng			63.202.865.523	54.028.674.721
+ Cầm cố ký cược ký quỹ			667.964.913	212.810.413
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.468.172.723)	(1.468.172.723)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		186.391.941	186.391.941
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.717.591.466</b>	<b>19.686.308.539</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	29.717.591.466	19.686.308.539
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.411.076.917</b>	<b>77.173.330</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	94.767.905	77.173.330
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.316.309.012	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.882.021.110</b>	<b>30.934.966.376</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.237.911.725</b>	<b>821.559.367</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		5.037.911.725	621.559.367
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		200.000.000	200.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.969.279.326</b>	<b>3.284.549.165</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	<b>2.969.279.326</b>	<b>3.284.549.165</b>
<i>Nguyên giá</i>	222		7.639.980.850	7.639.980.850
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.670.701.524)	(4.355.431.685)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>3.528.014.074</b>	<b>4.132.737.778</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		12.094.473.923	12.094.473.923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(8.566.459.849)	(7.961.736.145)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí SX,KD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>22.662.454.908</b>	<b>22.662.454.908</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	22.213.400.000	22.213.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	1.675.000.000	1.675.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.225.945.092)	(1.225.945.092)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.484.361.077</b>	<b>33.665.158</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.484.361.077	33.665.158
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>247.342.393.270</b>	<b>245.914.848.031</b>

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>170.390.290.601</b>	<b>169.181.210.769</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>170.390.290.601</b>	<b>169.181.210.769</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.711.961.017	9.878.468.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.800.196.543	3.953.446.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.455.305.898	20.274.382.736
4. Phải trả người lao động	314		758.399.304	188.432.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	50.089.090.869	53.445.836.844
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.108.806.988	
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	33.448.553.822	21.298.351.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	55.861.558.057	59.797.266.269
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	156.418.103	345.026.435
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.952.102.669</b>	<b>76.733.637.262</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>76.952.102.669</b>	<b>76.733.637.262</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.077.383.636	24.077.383.636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.645.540.067	1.645.540.067
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.084.326.007	1.084.326.007
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.284.852.959	4.066.387.552
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		4.066.387.352	3.635.565.923
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		218.465.607	430.821.629
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>247.342.393.270</b>	<b>245.914.848.031</b>

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc

Lương Quý Thăng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số lũy kế kỳ này năm		Số lũy kế kỳ này năm	
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	nay	trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.922.099.386	22.932.256.146	16.481.662.022	42.207.418.723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.922.099.386	22.932.256.146	16.481.662.022	42.207.418.723
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	9.617.012.821	19.853.320.097	15.326.622.298	37.284.648.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		305.086.565	3.078.936.049	1.155.039.724	4.922.769.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.280.813.173	76.703.739	1.363.542.479	155.883.421
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	708.989.375	276.300.109	775.923.687	581.080.806
Trong đó: chi phí lãi vay	23		708.989.375	276.300.109	775.923.687	581.080.806
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	-	32.443.270	-	32.443.270
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	728.035.237	2.715.867.229	1.440.624.036	3.556.820.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		148.875.126	131.029.180	302.034.480	908.309.015
11. Thu nhập khác	31		230.427	4.461.583	230.427	4.461.583
12. Chi phí khác	32		22.176.950	86.094.803	22.176.950	86.094.803
13. Lợi nhuận khác	40		(21.946.523)	(81.633.220)	(21.946.523)	(81.633.220)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.928.603	49.395.960	280.087.957	826.675.795

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

- CHỈ TIÊU**
- 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
  - 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
  - 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
  - 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Mã số	Thuyết minh	Số lũy kế kỳ này năm nay		Số lũy kế kỳ này năm trước	
		Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước
51		27.924.292	46.829.368	61.622.350	217.830.932
52		-	-	-	-
60		99.004.311	2.566.592	218.465.607	608.844.863
70		22	1	48	133

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc

Lương Quý Thăng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>280.087.957</b>	<b>826.675.795</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		315.269.839	898.927.138
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(2.727.272)
- Chi phí lãi vay	06		708.989.375	581.080.806
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.304.347.171</b>	<b>2.303.956.467</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.754.437.178	4.145.048.816
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.031.282.927)	(19.465.176.263)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.209.079.832	(4.279.781.807)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.356.745.975)	(88.295.601)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.887.354.627)	(716.888.208)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(6.576.412)	272.745.823
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(711.939.260)	(106.811.265)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.273.964.980</b>	<b>(17.935.202.038)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			(32.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.727.272	2.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.432.238.546)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		350.813.147	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.078.698.127)</b>	<b>(29.272.728)</b>

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		95.502.554.308	68.749.599.015
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.983.273.538)	(54.246.844.925)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(480.719.230)</b>	<b>14.502.754.090</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(285.452.377)</b>	<b>(3.461.720.676)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>579.133.348</b>	<b>16.901.370.898</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>293.680.971</b>	<b>13.439.650.222</b>

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng



# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, Thiết kế, tư vấn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
  - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
  - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
  - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
  - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
  - Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
  - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 84 nhân viên đang làm việc.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3-5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3-5

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

#### **- Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### **- Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **14. Hợp đồng xây dựng**

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.407.848	9.368.562
Tiền gửi ngân hàng	285.273.123	569.764.786
Các khoản tương đương tiền	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>293.680.971</u></b>	<b><u>579.133.348</u></b>

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	6.940.626.650	9.716.877.314
Các Công ty, các Ban QLDA	74.317.692.704	104.533.730.130
Các khách hàng khác	1.282.726.236	1.849.920.847
<b>Cộng</b>	<b><u>82.541.045.590</u></b>	<b><u>116.100.528.291</u></b>

##### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	10.000.000	10.000.000
Phải trả tiền thuê đất, bảo vệ trạm BTS	116.279.038	40.103.038
Các đối tượng khác	59.809.844	21.492.395
<b>Cộng</b>	<b><u>186.088.882</u></b>	<b><u>71.595.433</u></b>

##### 4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	63.202.865.523	54.028.674.721
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	667.964.913	212.810.413
Phải thu khác	19.509.590.772	18.448.384.000
<b>Cộng</b>	<b><u>83.380.421.208</u></b>	<b><u>72.689.869.134</u></b>

##### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.717.591.466	19.686.308.539
Hàng hóa	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>29.717.591.466</u></b>	<b><u>19.686.308.539</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước	94.767.905	77.173.330
Chi phí chờ kết chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>94.767.905</u></b>	<b><u>77.173.330</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	2.377.216.593	4.651.785.922	143.636.363	467.341.972	7.639.980.850
Tăng do mua sắm mới	-	-	-	-	-
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>2.377.216.593</b>	<b>4.651.785.922</b>	<b>143.636.363</b>	<b>467.341.972</b>	<b>7.639.980.850</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.041.848.159	2.759.549.633	86.691.921	467.341.972	4.355.431.685
Khấu hao trong kỳ	120.589.728	148.376.358	46.303.753	-	315.269.839
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.162.437.887</b>	<b>2.907.925.991</b>	<b>132.995.674</b>	<b>467.341.972</b>	<b>4.670.701.524</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.335.368.434	1.892.236.289	56.944.442	-	3.284.549.165
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.214.778.706</b>	<b>1.743.859.931</b>	<b>10.640.689</b>	<b>-</b>	<b>2.969.279.326</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

#### 9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	7.961.736.145	4.132.737.778
Tăng do trích khấu hao		604.723.704	
Giảm trong kỳ			(604.723.704)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>12.094.473.923</u></b>	<b><u>8.566.459.849</u></b>	<b><u>3.528.014.074</u></b>

#### 10. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị viễn thông	2.221.340	<u>22.213.400</u>	2.221.340	<u>22.213.400.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017426 ngày 21 tháng 05 năm 2007 thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị viễn thông 22.213.400 VND, tương đương 55,53% vốn điều lệ.

#### 11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
CTCP Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	10.684	1.078.000.000	10.684	1.078.000.000
CTCP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	5.970	<u>597.000.000</u>	5.970	<u>597.000.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>1.675.000.000</u></b>		<b><u>1.675.000.000</u></b>

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Xây dựng công nghiệp Toàn Phát	14.510.078	6.689.432.008
Công ty TNHH Đại Phúc	1.064.684.164	1.064.684.164
Công ty TNHH Tập đoàn Minh Phúc	997.168.167	997.168.167
Các đối tượng khác	<u>634.805.758</u>	<u>1.127.183.795</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.711.961.017</u></b>	<b><u>9.878.468.134</u></b>

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL Dự án Tả Ngạn	238.000.000	238.000.000
Viễn thông Bình Định	78.475.839	78.475.839
Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	70.000.000	50.000.000
TTDV Viễn thông KV III	450.638.552	450.638.552
Công ty Điện thoại Hà Nội 2	-	292.067.545
Tổng cục hậu cần an ninh I	4.908.211.260	2.789.434.000
Các đối tượng khác	<u>54.870.892</u>	<u>54.830.891</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>5.800.196.543</u></b>	<b><u>3.953.446.827</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.798.055.666	110.880.700	-	12.908.936.366
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.582.147.022	61.622.350	-	6.643.769.372
Thuế thu nhập cá nhân	894.180.048	8.420.112	-	902.600.160
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>20.274.382.736</u></b>	<b><u>180.923.162</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>20.455.305.898</u></b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.181.402.177	186.109.498
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	48.907.688.692	53.259.727.346
<b>Cộng</b>	<b><u>50.089.090.869</u></b>	<b><u>53.445.836.844</u></b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	138.850.915	151.192.220
BHXH, BHYT, BHTN	1.044.498.079	575.210.241
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	46.035.316
Phải trả các cá nhân về tiền vay không tính lãi	551.253.000	551.253.000
Chi phí các công trình còn phải trả	30.652.694.931	18.913.403.816
Phải trả khác	1.061.256.897	1.061.256.897
<b>Cộng</b>	<b><u>33.448.553.822</u></b>	<b><u>21.298.351.490</u></b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.217.501.857	37.637.128.269
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	29.217.501.857	37.637.128.269
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	26.644.056.200	22.160.138.000
- Vay các cá nhân	26.644.056.200	22.160.138.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>55.861.558.057</u></b>	<b><u>59.797.266.269</u></b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

#### **18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	345.026.435
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-
Chi quỹ trong năm	188.608.332
<b>Số cuối năm</b>	<b>156.418.103</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****19. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	45.860.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	1.084.326.007	4.066.387.552	76.733.637.262
Lợi nhuận trong kỳ này					218.465.607	
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>24.077.383.636</b>	<b>1.645.540.067</b>	<b>1.084.326.007</b>	<b>4.284.853.159</b>	<b>76.952.102.669</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### **Thuê hoạt động**

- Hợp đồng thuê văn phòng số 12/HDTN ngày 03/05/2013 , thuê nhà LK 14, Ô 25-26 Khu ĐTM Văn Khê, phường La Khê quận Hà Đông, TP Hà Nội thời hạn thuê 04 năm từ ngày 01/05/2013 đến hết ngày 01/05/2017 , kỳ hạn thanh toán 06 tháng/ lần.

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**Người lập biểu**

Phạm Thị Thanh Thủy

**Kế toán trưởng**

Phạm Đức Thường

**Tổng Giám đốc**

  

The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG" in the center, "HÀ NỘI" at the bottom, and "S.ĐKKĐ: 0101138243" at the top. There are two small stars on either side of the company name.

Lương Quý Thăng